

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**

Các báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm ba mươi một (131) cửa hàng tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Ông Hồ Andy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Ông Bùi Việt	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Tân	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Trần Văn Dân	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2012
Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2012

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Cao Thị Ngọc Dung.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng kèm theo.


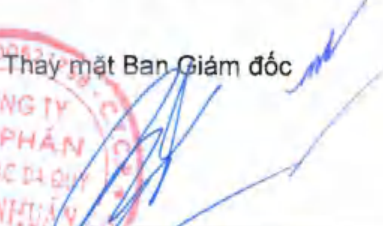
### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12.1 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2013

Số tham chiếu: 60984885/15611643

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng của Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 3 năm 2012, đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

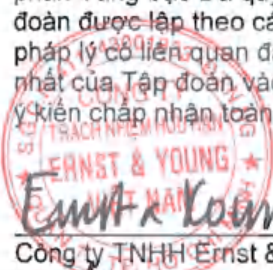
### **Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính riêng có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày việc Công ty là công ty mẹ trong Tập đoàn (Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con) và các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần theo như báo cáo của chúng tôi ngày 25 tháng 3 năm 2013.


  
**Ernst & Young Vietnam Ltd.**  
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

  
Lê Quang Minh  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0426/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.330.782.459.828</b>	<b>1.525.468.236.091</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>466.279.745.496</b>	<b>426.301.733.402</b>
111	1. Tiền		31.700.048.159	54.920.495.548
112	2. Các khoản tương đương tiền		434.579.697.337	371.381.237.854
<b>120</b>	<b>II. Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	<b>70.000.000.000</b>
121	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	70.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>53.304.164.842</b>	<b>69.401.669.366</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	16.115.332.171	32.864.176.721
132	2. Trả trước cho người bán		9.617.994.137	8.425.651.835
135	3. Các khoản phải thu khác	6	35.323.057.193	28.111.840.810
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.752.218.659)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>782.976.567.780</b>	<b>941.077.879.031</b>
141	1. Hàng tồn kho		782.976.567.780	941.077.879.031
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>28.221.981.710</b>	<b>18.686.954.292</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.723.782.842	9.774.375.599
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.613.290.148	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		69.000.000	26.603.715
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	10.815.908.720	8.885.974.978
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.157.957.771.650</b>	<b>1.159.064.312.972</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>430.783.713.152</b>	<b>381.763.700.152</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	140.213.893.732	76.788.364.713
222	Nguyên giá		215.707.421.573	140.747.344.350
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(75.493.527.841)	(63.958.979.637)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	279.551.935.394	279.023.651.306
228	Nguyên giá		280.112.851.451	279.492.351.451
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(560.916.057)	(468.700.145)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	11.017.884.026	25.951.684.133
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>720.375.538.247</b>	<b>761.041.764.725</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		20.000.000.000	90.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		230.474.829.680	230.474.829.680
258	3. Đầu tư dài hạn khác		513.241.408.400	474.745.158.400
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(43.340.699.833)	(34.178.223.355)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.798.520.251</b>	<b>16.258.848.095</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.316.980.619	15.449.325.434
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	481.539.632	809.522.661
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.488.740.231.478</b>	<b>2.684.532.549.063</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.310.396.950.734</b>	<b>1.611.470.039.512</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.139.615.000.234</b>	<b>892.489.131.205</b>
311	1. Vay ngắn hạn	14	1.008.230.455.000	573.639.973.212
312	2. Phải trả người bán	15	52.229.751.036	73.192.057.333
313	3. Người mua trả tiền trước		1.737.185.759	7.322.532.478
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	21.297.732.796	29.091.016.680
315	5. Phải trả người lao động		7.429.542.220	43.550.769.450
316	6. Chi phí phải trả	17	3.096.794.410	8.198.711.109
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	37.842.561.332	140.528.982.962
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.750.977.681	16.965.087.981
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>170.781.950.500</b>	<b>718.980.908.307</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		426.284.500	426.284.500
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	170.355.666.000	714.133.041.450
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc		-	4,421,582,357
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.178.343.280.744</b>	<b>1.073.062.509.551</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>1.178.343.280.744</b>	<b>1.073.062.509.551</b>
411	1. Vốn cổ phần		719.978.350.000	599.991.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		105.021.650.000	225.008.580.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(7.090.000)	(7.090.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		96.070.897.000	51.070.897.000
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		46.376.732.783	34.291.732.783
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		210.902.740.961	162.706.969.768
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.488.740.231.478</b>	<b>2.684.532.549.063</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
▶ Đô la Mỹ ("US\$")	56.930	5.675.227
▶ Vàng thỏi	9.949	6.816
▶ Đô la Úc ("AUD")	-	39.999

Dương Quang Hải  
Người lập

Đặng Thị Lài  
Kế toán trưởng


Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám Đốc


Ngày 14 tháng 3 năm 2013

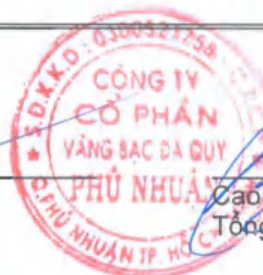
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	6.428.395.313.429	17.335.035.111.824
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(58.892.464.935)	(71.374.181.860)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	6.369.502.848.494	17.263.660.929.964
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22	(5.819.278.409.188)	(16.629.765.167.821)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		550.224.439.306	633.895.762.143
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	116.573.764.623	74.341.827.304
22	7. Chi phí tài chính	23	(106.804.602.630)	(128.762.455.803)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(97.411.925.282)	(95.273.068.280)
24	8. Chi phí bán hàng		(216.893.802.677)	(211.585.653.511)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(76.960.569.576)	(76.906.220.791)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		266.139.229.046	290.983.259.342
31	11. Thu nhập khác	24	30.696.998.183	12.066.560.565
32	12. Chi phí khác	24	(16.833.183.834)	(976.945.616)
40	13. Lợi nhuận khác	24	13.863.814.349	11.089.614.949
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		280.003.043.395	302.072.874.291
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(54.526.639.673)	(60.363.124.631)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(327.983.029)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		225.148.420.693	241.709.749.660

  
Dương Quang Hải  
Người lập

  
Đặng Thị Lài  
Kế toán trưởng



  
Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám Đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>280.003.043.395</b>	<b>302.072.874.291</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	9, 10	12.652.240.153	17.182.301.892
03	Các khoản dự phòng		16.914.695.137	24.565.904.389
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		31.596.846.638	85.681.898.050
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(115.718.649.269)	(63.079.163.542)
06	Chi phí lãi vay	23	97.411.925.282	95.273.068.280
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>322.860.101.336</b>	<b>461.696.883.360</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		10.314.367.610	(18.755.872.536)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		158.101.311.251	(222.363.006.361)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(128.594.047.212)	110.815.150.821
12	Giảm chi phí trả trước		9.182.937.572	-
13	Tiền lãi vay đã trả		(97.825.703.254)	(95.139.398.078)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(53.932.037.445)	(64.754.021.469)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(33.384.110.300)	(17.141.713.476)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>186.722.819.558</b>	<b>154.358.022.261</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(70.123.599.765)	(104.069.526.103)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		8.653.380.455	211.411.818
23	Tiền gửi kỳ hạn		-	(70.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi kỳ hạn		70.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(38.496.250.000)	(8.274.351.544)
26	Tiền thu từ thanh lý đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		110.250.000.000	23.000.000.000
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		63.717.740.426	54.110.291.116
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>144.001.271.116</b>	<b>(105.022.174.713)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.427.905.909.708	8.703.343.927.774
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.568.711.689.370)	(8.496.994.604.141)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(149.965.528.175)	(150.183.653.750)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(290.771.307.837)</b>	<b>56.165.669.883</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		39.952.782.837	105.501.517.431
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		426.301.733.402	317.023.440.697
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		25.229.257	3.776.775.274
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	466.279.745.496	426.301.733.402



Dương Quang Hải  
Người lập



Đặng Thị Lài  
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám Đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Điều chỉnh.

Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm ba mươi một (131) cửa hàng tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.172 (31 tháng 12 năm 2011: 2.045).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12.1 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Các báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến tỷ giá hối đoái.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN 10") như trong các năm trước, Công ty bắt đầu thực hiện Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Theo Thông tư 179, tại thời điểm cuối năm, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Trong năm 2011, Công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thực hiện việc quy đổi này.

Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Ảnh hưởng của việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm đến các báo cáo tài chính riêng vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu trên phương diện tổng thể.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, vàng các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và khác	- chi phí mua hàng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và sản phẩm dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.5 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế và giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hay giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ vì quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- ▶ Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trong nhiều năm có giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.9 Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.10 Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các khoản dự phòng**

Công ty ghi nhận các khoản dự phòng khi có một nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và được áp dụng nhất quán trong các năm trước. Bên cạnh CMKTVN 10, bắt đầu từ năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179 đối với các nghiệp vụ ngoại tệ như được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản nợ.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, hoặc khi Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	22.695.386.314	28.661.384.977
Tiền gửi ngân hàng	7.600.890.345	26.051.185.571
Tiền đang chuyển	1.403.771.500	207.925.000
Các khoản tương đương tiền	434.579.697.337	371.381.237.854
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>466.279.745.496</b>	<b>426.301.733.402</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị vàng miếng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	14.377.606.804	20.388.182.274
Phải thu bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.737.725.367	12.475.994.447
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.115.332.171</b>	<b>32.864.176.721</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	23.774.182.193	22.702.986.810
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	11.548.875.000	5,408,854,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.323.057.193</b>	<b>28.111.840.810</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.752.218.659)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>27.570.838.534</b>	<b>28.111.840.810</b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đầu năm	-	-
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	7.752.218.659	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi cuối năm	<b>7.752.218.659</b>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	658.128.899.459	805.306.432.556
Hàng gửi đi bán	47.055.030.564	44.261.649.194
Thành phẩm	46.328.191.292	62.759.983.676
Nguyên vật liệu	12.712.912.461	14.259.449.585
Công cụ, dụng cụ	11.808.623.663	8.134.308.015
Hàng mua đang đi trên đường	4.489.399.213	1.115.810.406
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.453.511.128	5.240.245.599
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>782.976.567.780</u></b>	<b><u>941.077.879.031</u></b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn thuê cửa hàng	9.957.226.347	8.290.941.675
Tạm ứng cho nhân viên	858.682.373	595.033.303
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.815.908.720</u></b>	<b><u>8.885.974.978</u></b>

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm	48.574.206.649	72.877.361.131	7.863.136.832	11.432.639.738	140.747.344.350
Tăng trong năm	423.635.012	9.647.236.966	-	4.973.803.784	15.044.675.762
Đầu tư XDCB hoàn thành	66.252.332.096	3.139.892.014	-	-	69.392.224.110
Thanh lý	(9.140.893.323)	(12.000.000)	(275.296.636)	(48.632.690)	(9.476.822.649)
Số cuối năm	106.109.280.434	85.652.490.111	7.587.840.196	16.357.810.832	215.707.421.573
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	5.423.092.075	46.258.429.757	4.654.400.551	7.623.057.254	63.958.979.637
Khấu hao trong năm	1.934.342.422	8.224.905.690	712.390.300	1.688.385.829	12.560.024.241
Thanh lý	(700.801.812)	(11.600.000)	(275.296.636)	(37.777.589)	(1.025.476.037)
Số cuối năm	6.656.632.685	54.471.735.447	5.091.494.215	9.273.665.494	75.493.527.841
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	43.151.114.574	26.618.931.374	3.208.736.281	3.809.582.484	76.788.364.713
Số cuối năm	99.452.647.749	31.180.754.664	2.496.345.981	7.084.145.338	140.213.893.732

Nhà cửa, máy móc thiết bị với trị giá còn lại lần lượt là 15.650.554.151 VND và 1.069.750.326 VND được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất không thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	279.000.379.838	491.971.613	279.492.351.451
Mua mới	-	620.500.000	620.500.000
Số cuối năm	<u>279.000.379.838</u>	<u>1.112.471.613</u>	<u>280.112.851.451</u>
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	468.700.145	468.700.145
Khấu trừ trong năm	-	92.215.912	92.215.912
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>560.916.057</u>	<u>560.916.057</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>279.000.379.838</u>	<u>23.271.468</u>	<u>279.023.651.306</u>
Số cuối năm	<u>279.000.379.838</u>	<u>551.555.556</u>	<u>279.551.935.394</u>

Quyền sử dụng đất trị giá 166.099.851.738 VNĐ được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 19*).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án phần mềm X-Man	5.306.686.270	-
Nhà máy tại Dương Quảng Hàm	4.338.807.956	20.556.149.133
Trung tâm kim hoàn	850.821.000	2.095.535.000
Trung tâm Thương mại Thủ Khoa Huân	521.568.800	3.300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>11.017.884.026</b></u>	<u><b>25.951.684.133</b></u>

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

**12.1 Đầu tư vào công ty con**

<i>Tên đơn vị</i>	VNĐ			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Công ty TNHH Thời trang CAO	10.000.000.000	100	10.000.000.000	100
Công ty TNHH Giám định PNJ	10.000.000.000	100	10.000.000.000	100
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	-		70.000.000.000	70
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>20.000.000.000</b></u>		<u><b>90.000.000.000</b></u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Công ty TNHH Thời trang CAO ("CFC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2009. CFC có trụ sở đăng ký tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CFC là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang, trang sức vàng và bạc, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công, nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

Công ty TNHH Giám định PNJ ("PLC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở đăng ký tại số 205, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PLC là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc và đá quý.

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 70% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt cho Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam theo Hợp đồng Chuyển nhượng Quyền sở hữu cổ phần ngày 21 tháng 12 năm 2011.

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên đơn vị	VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	138.608.529.680	49,99	138.608.529.680	49,99
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	91.866.300.000	30,62	91.866.300.000	30,62
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>230.474.829.680</b>		<b>230.474.829.680</b>	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(32.540.699.833)		(13.053.529.105)	
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>197.934.129.847</b>		<b>217.421.300.575</b>	

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("SFC") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 030063013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2000. SFC có trụ sở đăng ký tại số 1A, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của SFC là kinh doanh các sản phẩm dầu và gas, kinh doanh các công cụ, dụng cụ và máy móc dùng dầu và gas, nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, gỗ, dịch vụ vận chuyển, cho thuê và tư vấn xây dựng. SFC đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2004.

Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á ("DAL") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2003. DAL có trụ sở đăng ký tại số 43R/12, Đường Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DAL là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn và đại lý bất động sản, kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.3 Đầu tư dài hạn khác**

Tên đơn vị	VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Á ("DAB") (i)	42.345.875	395.271.613.400	38.496.250	356.775.363.400
Công ty Cổ phần Bất Động Sàn Sài Gòn M&C	2.615.215	65.380.375.000	2.615.215	65.380.375.000
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	916.662	42.499.920.000	916.662	42.499.920.000
Dự án Hoàng Minh Giám (ii)		10.089.500.000		10.089.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>513.241.408.400</b>		<b>474.745.158.400</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.800.000.000)		(21.124.694.250)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>		<b>502.441.408.400</b>		<b>453.620.464.150</b>

- (i) Cổ phiếu của DAB đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 14 và 19).
- (ii) Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện khoản tạm ứng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Du lịch Festival và Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á để đầu tư phát triển dự án tọa lạc tại số 8 Đường Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**12.4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đầu năm	34.178.223.355	10.800.000.000
Tăng: Dự phòng trích lập trong năm	19.487.170.728	23.378.223.355
Giảm: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.324.694.250)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cuối năm	<b>43.340.699.833</b>	<b>34.178.223.355</b>
Trong đó:		
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	32.540.699.833	13.053.529.105
Dự phòng đầu tư vào các khoản đầu tư dài hạn khác	10.800.000.000	21.124.694.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cải tạo văn phòng và cửa hàng	5.404.424.785	5.527.948.000
Chi phí thuê cửa hàng	912.555.836	2.858.177.434
Chi phí thuê đất	-	7.063.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.316.980.619</b>	<b>15.449.325.434</b>

**14. VAY NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	383.351.676.000	356.025.248.000
Vay cá nhân	56.808.906.400	87.778.231.372
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	568.069.872.600	129.836.493.840
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.008.230.455.000</b>	<b>573.639.973.212</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	35.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2012 đến ngày 27 tháng 2 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	10%/năm	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	74.025.000.000	Từ ngày 29 tháng 10 năm 2012 đến ngày 19 tháng 3 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	9,5%/năm	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Sở Giao dịch 1	75.000.000.000	Từ ngày 13 tháng 9 năm 2012 đến ngày 10 tháng 1 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	9%/năm	Cổ phiếu của DAB
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	189.600.000.000	Từ ngày 3 tháng 10 năm 2012 đến ngày 26 tháng 3 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	Từ 9,8% đến 10,5%/năm	Tin chấp
	5.561.076.000	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2012 đến ngày 3 tháng 3 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	6% /năm	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Sở giao dịch	4.165.600.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2012 đến ngày 29 tháng 4 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	6,5%/ năm	Cổ phiếu của DAB
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>383.351.676.000</b>				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**14. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Cá nhân – vay bằng VNĐ	<u>56.808.906.400</u>	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2012 đến ngày 29 tháng 12 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	Từ 8% đến 14%/năm	Tín chấp

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên thứ ba	51.248.021.423	68.709.011.333
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	<u>981.729.613</u>	<u>4.483.046.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>52.229.751.036</u></b>	<b><u>73.192.057.333</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 26.2</i> )	12.154.622.868	11.560.020.640
Thuế giá trị gia tăng	8.439.158.024	17.073.286.877
Thuế khác	<u>703.951.904</u>	<u>457.709.163</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.297.732.796</u></b>	<b><u>29.091.016.680</u></b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.805.807.176	2.219.585.148
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	241.437.027	5.441.527.292
Khác	<u>1.049.550.207</u>	<u>537.598.669</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.096.794.410</u></b>	<b><u>8.198.711.109</u></b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	11.000.000.000	7.900.000.000
Bảo hiểm xã hội, y tế	5.706.375.376	3.929.736.414
Cổ tức phải trả	184.686.525	60.152.565.200
Tiền ký quỹ từ chuyển nhượng cổ phần	-	52.500.000.000
Các khoản phải trả khác	<u>20.951.499.431</u>	<u>16.046.681.348</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.842.561.332</u></b>	<b><u>140.528.982.962</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**19. VAY DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	738.425.538.600	843.969.535.290
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)</i>	568.069.872.600	129.836.493.840
<i>Vay dài hạn</i>	170.355.666.000	714.133.041.450

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Sở Giao dịch	349.447.520.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	4,2%/năm	Cổ phiếu của DAB
	217.652.600	Ngày 7 tháng 6 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	7%/năm	Máy móc, thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	170.355.666.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2015	Bổ sung vốn lưu động	4%/năm	Quyền sử dụng đất của các lô đất tọa lạc tại số 577 Đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận; Số 52A-52B Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận; và Số 174 Đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1; và nhà cửa, vật kiến trúc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Sài Gòn	218.404.700.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	4,2%/năm	Quyền sử dụng đất của lô đất tọa lạc tại số 18-20 Đường Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>738.425.538.600</b>				

<i>Trong đó:</i>	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)</i>	568.069.872.600
<i>Vay dài hạn</i>	170.355.666.000

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							VND
Số đầu năm	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	124.476.583.608	1.004.670.044.608
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	241.709.749.660	241.709.749.660
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	20.000.000.000	10.327.760.000	(30.327.760.000)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(149.996.082.500)	(149.996.082.500)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(165.681.217)	-	(165.681.217)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.155.521.000)	(23.155.521.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>599.991.420.000</b>	<b>225.008.580.000</b>	<b>(7.090.000)</b>	<b>51.070.897.000</b>	<b>34.291.732.783</b>	<b>162.706.969.768</b>	<b>1.073.062.509.551</b>
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	51.070.897.000	34.291.732.783	162.706.969.768	1.073.062.518.551
Tăng vốn	119.986.930.000	(119.986.930.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	225.148.420.693	225.148.420.693
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(89.997.649.500)	(89.997.649.500)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	45.000.000.000	12.085.000.000	(57.085.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(29.870.000.000)	(29.870.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>719.978.350.000</b>	<b>105.021.650.000</b>	<b>(7.090.000)</b>	<b>96.070.897.000</b>	<b>46.376.732.783</b>	<b>210.902.740.961</b>	<b>1.178.343.280.744</b>

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 514/2012/BB-DHDCD-CTY ngày 14 tháng 4 năm 2012 và Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị số 2012/2012/NQ-HDQT-CTY ngày 20 tháng 7 năm 2012, Công ty đã phát hành thêm 11.998.693 cổ phiếu thường cho các cổ đông hiện hữu thông qua sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần. Theo đó, vốn cổ phần của công ty tăng từ 599.991.420.000 VNĐ lên 719.978.350.000 VNĐ. Việc phát hành thêm này đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 3 tháng 10 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	599.991.420.000	599.991.420.000
Vốn góp tăng trong năm	119.986.930.000	-
Vốn góp cuối năm	<u>719.978.350.000</u>	<u>599.991.420.000</u>
Cổ tức đã trả	149.965.528.175	150.183.653.750
Cổ tức đã công bố	89.997.649.500	149.996.082.500

**20.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông**

	Năm nay	Năm trước
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số cổ phiếu được phép phát hành	71.997.835	59.999.142
Số cổ phiếu đã phát hành, góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu thường	71.997.835	59.999.142
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu thường	(709)	(709)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu thường	71.997.126	59.998.433

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>6.428.395.313.429</b>	<b>17.335.035.111.824</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán vàng, bạc và đá quý	6.413.165.985.819	17.312.575.111.526
Doanh thu bán phụ kiện	6.179.536.363	5.487.053.940
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.049.791.247	16.972.946.358
<b>Khấu trừ</b>	<b>(58.892.464.935)</b>	<b>(71.374.181.860)</b>
Hàng bán bị trả lại	(5.758.739.063)	(3.650.279.611)
Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp	(53.133.725.872)	(67.723.902.249)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>6.369.502.848.494</u></b>	<b><u>17.263.660.929.964</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu bán vàng, bạc và đá quý	6.354.273.520.884	17.241.200.929.666
Doanh thu bán phụ kiện	6.179.536.363	5.487.053.940
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.049.791.247	16.972.946.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**21. DOANH THU (tiếp theo)**

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý công ty con	40.250.000.000	-
Cổ tức nhận được	67.537.340.000	65.250.932.050
Lãi tiền gửi	7.729.275.426	2.410.901.449
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.057.149.197	6.001.543.727
Khác	-	678.450.078
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>116.573.764.623</u></b>	<b><u>74.341.827.304</u></b>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán vàng, bạc và đá quý	5.814.359.937.858	16.626.198.508.406
Giá vốn bán phụ kiện	4.918.471.330	3.566.659.415
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.819.278.409.188</u></b>	<b><u>16.629.765.167.821</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	97.411.925.282	95.273.068.280
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	9.162.476.478	23.378.223.355
Lỗ chênh lệch tỷ giá	230.200.870	10.111.164.168
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>106.804.602.630</u></b>	<b><u>128.762.455.803</u></b>

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>30.696.998.183</b>	<b>12.066.560.565</b>
Thu thanh lý tài sản cố định	8.653.380.455	211.411.818
Thu chuyển nhượng đất thuê	16.275.890.000	-
Lãi từ chuyển nhượng tài sản cho công ty con	-	4.734.330.673
Thu khác	5.767.727.728	7.120.818.074
<b>Chi phí khác</b>	<b>(16.833.183.834)</b>	<b>(976.945.616)</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(8.451.346.612)	(358.041.741)
Giá trị còn lại của đất thuê	(7.063.200.000)	-
Chi khác	(1.318.637.222)	(618.903.875)
<b>THU NHẬP THUẦN</b>	<b><u>13.863.814.349</u></b>	<b><u>11.089.614.949</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	5.846.388.211.391	16.681.821.572.328
Chi phí nhân công	141.519.458.451	137.297.202.724
Chi phí công cụ, dụng cụ	13.273.972.719	12.666.594.880
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản (Thuyết minh số 9 và 10)	12.652.240.153	3.541.224.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.055.993.223	82.930.447.432
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.098.889.875.937</u></b>	<b><u>16.918.257.042.123</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	53.909.090.632	60.363.124.631
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	617.549.041	134.232.189
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.526.639.673</u></b>	<b><u>60.363.124.631</u></b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng và lợi nhuận chịu thuế:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>280.003.043.395</b>	<b>302.072.874.291</b>
<b>Các điều chỉnh:</b>		
Chi phí không được khấu trừ	4.482.591.251	4.093.627.528
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	(3.765.452.000)	-
Thay đổi chi phí phải trả	2.047.244.203	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	406.275.680	-
Cổ tức nhận được	(67.537.340.000)	(65.250.932.052)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>215.636.362.529</b>	<b>240.915.569.767</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>53.909.090.632</b>	<b>60.228.892.442</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	617.549.041	134.232.189
Thuế TNDN phải trả đầu năm	11.560.020.640	15.950.917.478
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(53.932.037.445)	(64.754.021.469)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>12.154.622.868</b>	<b>11.560.020.640</b>

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí trích trước	511.811.051	-	511.811.051	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(30.271.419)	(131.840.339)	101.568.920	-
Trợ cấp thôi việc	-	941.363.000	(941.363.000)	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>481.539.632</b>	<b>809.522.661</b>		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>			<b>(327.983.029)</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Giá trị</i>	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	Bên liên quan	Cổ tức nhận được	65.828.587.500	
Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO	Công ty con	Mua hàng hóa	21.985.523.147	
		Bán hàng hóa	22.156.083.963	
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	12.326.254.537	
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	1.833.324.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ	Công ty con	Vay	3.100.000.000	

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	<u>7.186.677.807</u>	<u>5.645.495.000</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Phải thu (Phải trả)</i>	
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO	Công ty con	Bán hàng hóa	<u>1.737.725.367</u>	
<b>Phải thu khác</b>				
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	<u>11.548.875.000</u>	
<b>Phải trả người bán</b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ	Công ty con	Mua hàng hóa	(348.515.000)	
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Khác	(631.214.613)	
			<u>(2.000.000)</u>	
			<b><u>(981.729.613)</u></b>	
<b>Phải trả khác</b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ	Công ty con	Vay	<u>(11.000.000.000)</u>	

Đây là khoản vay không lãi suất từ Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	33.300.201.493	21.192.355.804
Từ 1 đến 5 năm	39.261.209.281	45.621.374.261
Trên 5 năm	10.492.878.800	37.835.623.916
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>83.054.289.574</b>	<b>104.649.353.981</b>

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ và các khoản phải trả người bán, và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay và nợ dài hạn với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Rủi ro thị trường (tiếp theo)*

*Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

		VNĐ
	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>		
Vàng	+100	(1.703.556.660)
Vàng	-100	1.703.556.660
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>		
VNĐ	+300	(12.004.146.346)
USD	+300	(1.159.078.200)
Vàng	+100	(7.517.225.000)
VNĐ	+300	12.004.146.346
USD	-100	1.159.078.200
Vàng	-100	7.517.225.000

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái giá vàng. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ và vàng.

			VNĐ
	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Thay đổi giá vàng</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
	+1%	+2%	(6.092.023.553)
	-1%	-2%	6.092.023.552
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>			
	+1%	+2%	(9.580.383.657)
	-1%	-2%	9.580.383.658

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường*** (tiếp theo)

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Công ty là 459.811.208.567 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 430.477.435.045 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 22.990.560.428 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 21.523.871.752 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 5%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 22.990.560.428 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 21.523.871.752 VNĐ).

***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, chủ yếu là tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Công ty là doanh thu bằng tiền mặt, nên không có rủi ro tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được, đối với các khoản phải thu khách hàng ở nước ngoài Công ty được đảm bảo thanh toán bởi một ngân hàng thứ ba. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**Rủi ro thanh khoản** (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 2 đến 5 năm	VNĐ Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Các khoản vay	1.008.230.455.000	170.355.666.000	1.178.586.121.000
Phải trả người bán	52.229.751.036	-	52.229.751.036
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	40.939.355.742	-	40.939.355.742
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.101.399.561.778</b>	<b>170.355.666.000</b>	<b>1.271.755.227.778</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>			
Các khoản vay	573.639.973.212	714.133.041.450	1.287.773.014.662
Phải trả người bán	73.192.057.333	-	73.192.057.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn và chi phí phải trả	148.727.694.071	-	148.727.694.071
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>795.559.724.616</b>	<b>714.133.041.450</b>	<b>1.509.692.766.066</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng tài sản cố định trị giá là 182.820.156.215 VNĐ, và cổ phiếu của DAB trị giá là 330.000.000.000 VNĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 14 và 19).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý				VNĐ
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm		
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Tài sản tài chính</b>									
Đầu tư tài chính dài hạn	513.241.408.400	(10.800.000.000)	474.745.158.400	(21.124.694.250)	502.441.408.400	453.620.464.150			
Các khoản tiền gửi ngân hàng	-	-	70.000.000.000	-		70.000.000.000			
Phải thu khách hàng	16.115.332.171	-	20.388.182.274	-	16.115.332.171	20.388.182.274			
Phải thu các bên liên quan	23.097.750.000	-	17.884.848.447	-	23.097.750.000	17.884.848.447			
Phải thu khác	23.774.182.193	-	22.702.986.810	-	23.774.182.193	22.702.986.810			
Tiền và các khoản tương đương tiền	466.279.745.496	-	474.745.158.400	-	466.279.745.496	453.620.464.150			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.042.508.418.260</b>	<b>(10.800.000.000)</b>	<b>1.032.022.909.333</b>	<b>(21.124.694.250)</b>	<b>1.031.708.418.260</b>	<b>1.010.898.215.083</b>			
<b>Nợ phải trả tài chính</b>									
Các khoản vay									
Phải trả người bán					1.178.586.121.000	1.287.773.014.662			1.287.773.014.662
Phải trả bên liên quan					52.229.751.036	68.709.011.333			68.709.011.333
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, và chi phí phải trả					11.000.000.000	12.383.046.000			12.383.046.000
					29.939.355.742	140.827.694.071			140.827.694.071
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.271.755.227.778</b>	<b>1.509.692.766.066</b>	<b>1.032.022.909.333</b>	<b>(21.124.694.250)</b>	<b>1.271.755.227.778</b>	<b>1.509.692.766.066</b>			<b>1.509.692.766.066</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.



Dương Quang Hải  
Người lập



Đặng Thị Lài  
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám Đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2013